

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ IX CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2018;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 quyết định thông qua các nội dung như sau:

Nội dung 1: Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán (chi tiết như tài liệu trình đại hội).

Nội dung 2: Báo cáo tình hình Quản trị công ty (QTCT) năm 2018 (chi tiết như tài liệu trình đại hội).

Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và định hướng, kế hoạch năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu sau (chi tiết như tài liệu trình đại hội).

1. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (TH/KH)
I. Các chỉ tiêu tài chính:					
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	136,64	150,30	110%
2	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	680	722,33	106%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	144	115,14	80%
4	Thuế TNDN	Tỷ đồng	29	22,69	78%

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (TH/KH)
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	115	92,45	80%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	8.416	6.151	73%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%/VDL	24%	24%	100%
II. Tổng giá trị đầu tư:		Tỷ đồng	102,91	36,62	36%
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	22,91	10,34	45%
2	Đầu tư máy móc thiết bị	Tỷ đồng	43,50	20,99	48%
3	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	36,5	5,29	14%
III. Các chỉ tiêu thu nhập và đào tạo:					
1	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	11,33	12,3	109%
2	Khóa đào tạo	Khóa	18	22	122%
3	Chi phí đào tạo	Triệu đồng	136	169,02	124%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2018	KH 2019	% +/- so TH 2018
I. Các chỉ tiêu tài chính:					
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	150,30	150,30	100%
2	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	722,33	875	121%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	115,14	135	117%
4	Thuế TNDN	Tỷ đồng	22,69	27	119%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	92,45	108	117%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	6.151	7.186	117%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%/VDL	24%	24%	83%
II. Tổng giá trị đầu tư:		Tỷ đồng	36,620	193,01	527%
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	10,34	19,80	192%
2	Đầu tư máy móc thiết bị	Tỷ đồng	20,99	62,26	297%

3	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	5,29	33,75	638%
4	Đầu tư dự án	Tỷ đồng	0	77,20	-
III. Các chỉ tiêu thu nhập và đào tạo:					
1	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	12,3	13,7	111%
2	Khóa đào tạo	Khóa	22	21	95%
3	Chi phí đào tạo	Triệu đồng	169,02	126	75%

Nội dung 4: Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019 và phương hướng chiến lược nhiệm kỳ 2019-2024 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau: (chi tiết như tài liệu trình đại hội)

1. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nhiệm kỳ 2014-2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện	Thực hiện
	2014	2015	2016	2017	2018
Doanh thu	453.660	557.407	520.269	559.746	722.333
Lợi nhuận trước thuế	89.915	127.459	116.539	114.675	115.144
Lợi nhuận sau thuế	67.860	101.287	93.326	91.653	92.446

2. Mục tiêu tài chính của Công ty giai đoạn 2019-2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023
Doanh thu	875.000	850.000	735.000	795.000	950.000
Lợi nhuận trước thuế	135.000	162.000	83.000	69.000	77.000
Lợi nhuận sau thuế	108.000	130.000	66.000	55.000	62.000
Tổng vốn đầu tư	193.000	88.000	100.000	98.000	10.000
Vốn điều lệ	150.301	150.301	150.301	150.301	150.301
Lãi cơ bản/CP (đồng)	7.186	8.650	4.390	3.660	4.130
Trả cổ tức hàng năm	24%	20%	15%	15%	15%

Nội dung 5: Báo cáo hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ năm 2018 (*chi tiết như tài liệu trình đại hội*).

Nội dung 6: Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi cổ tức năm 2019 cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018:

a. Phương án phân phối lợi nhuận:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế		92.446.286.949
2	Trích lập các quỹ	34%/ LNST	31.431.737.563
-	Quỹ Đầu tư phát triển	27%/ LNST	24.960.497.476
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5%/ LNST	4.622.314.347
-	Quỹ khen thưởng Ban QLĐH	2%/ LNST	1.848.925.739
3	Chi cổ tức công ty bằng tiền	24%/ VĐL	36.072.348.000
4	LNST còn lại chưa phân phối		24.942.201.386
5	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		134.617.031.950
6	Tổng LNST chưa phân phối		159.559.233.336

b. Tỷ lệ cổ tức công ty năm 2018:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã thông qua tỷ lệ cổ tức công ty bằng tiền năm 2018 là 24%/vốn điều lệ. HĐQT đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 vào ngày 29/11/2018. Tỷ lệ thực hiện là: 12%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng).

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua mức cổ tức còn lại của năm 2018 là 12%/vốn điều lệ và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chi trả theo tình hình tài chính của Công ty trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

1. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019:

a. Kế hoạch phân phối lợi nhuận:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ trọng	Số tiền
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh		875.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế		135.000.000.000

3	Thuế TNDN		27.000.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế		108.000.000.000
5	Trích lập các quỹ	34%/ LNST	36.720.000.000
-	Quỹ Đầu tư phát triển	27%/ LNST	29.160.000.000
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5%/ LNST	5.400.000.000
-	Quỹ khen thưởng Ban QLDH	2%/ LNST	2.160.000.000
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức công ty	24%/ VĐL	36.072.348.000
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		35.207.652.0

b. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua tỷ lệ cổ tức công ty bằng tiền năm 2019 là 24%/vốn điều lệ và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chi tạm ứng cổ tức công ty đợt 1 năm 2019 tối đa 12%.

Nội dung 7: Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, thành viên các Tiểu ban thuộc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty năm 2018 và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, thành viên các Tiểu ban thuộc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty năm 2019 như sau:

a. Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, thành viên các Tiểu ban thuộc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty năm 2018:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS, thành viên các Tiểu ban thuộc HĐQT và Người phụ trách QTCT năm 2018 bằng 2%/lợi nhuận sau thuế. Tuy nhiên, từ tháng 4/2018 đã thay đổi cơ cấu quản trị từ mô hình BKS sang mô hình Tiểu ban KTNB trực thuộc HĐQT và để tiết kiệm chi phí nhằm giảm giá thành và tăng khả năng cạnh tranh, HĐQT đã chủ động giảm mức thù lao của HĐQT, BKS, thành viên các Tiểu ban thuộc HĐQT và Người phụ trách QTCT năm 2018 xuống còn 1,64%/LNST, thay vì 2%/LNST như trong Kế hoạch năm 2018. Tổng số tiền thù lao còn lại của HĐQT, BKS, thành viên các Tiểu ban thuộc HĐQT và Người phụ trách QTCT năm 2018 là: 1.516.120.000 đồng.

b. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, thành viên các Tiểu ban thuộc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty năm 2019 như sau:

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao của HĐQT, thành viên các Tiểu ban thuộc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty năm 2019 là 1,5%/lợi nhuận sau thuế năm 2019.

Nội dung 8: Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh:

- *Hoạt động tư vấn quản lý*, chi tiết: Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát. Việc cung cấp dịch vụ kinh doanh này có thể bao gồm tư vấn, hướng dẫn hoặc trợ giúp hoạt động đối với doanh nghiệp (mã số ngành 7020);



- *Kiểm tra và phân tích kỹ thuật*, chi tiết: Việc kiểm tra lý, hóa và các phân tích khác của tất cả các loại vật liệu và sản phẩm, gồm: Kiểm tra âm thanh và chấn động; Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...; Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...; Kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn; Phân tích lỗi (mã số ngành 7120).

Nội dung 9: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty lần X do bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị, kiểm soát do bổ sung công ty con (*chi tiết như tài liệu trình đại hội*) và thay thế các Điều lệ đã ban hành trước đó.

Nội dung 10: Phê chuẩn chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc điều hành công ty năm 2019.

Nội dung 11: ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty trong danh sách các đơn vị kiểm toán được UBCKNN chấp nhận.

Nội dung 12: Kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024:

Đại hội đã bầu thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 gồm các ông có tên sau đây:

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Võ Văn Lãnh	1963	Bình Dương	Cử nhân tài chính xây dựng cơ bản, Kỹ sư xây dựng cầu đường
2	Ông Trần Văn Bình	1965	Bình Dương	Cử nhân kinh tế
3	Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	1990	Thừa Thiên Huế	Cử nhân
4	Ông Nguyễn Lê Văn	1983	Khánh Hòa	Cử nhân kinh tế
5	Ông Trịnh Tiến Bảy	1972	Nam Định	Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư, Cơ khí thủy lợi

Điều 2. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2 thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 23/4/2019 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2019.

Điều 3. Các cổ đông Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, các Tiểu ban thuộc HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông (CBTT 24);
- Các TV HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VT, TK.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



6

Võ Văn Lãnh